

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						370 508	92 382	277 960			
I		CẢNG CHÍNH						79 012	36 030	42 983			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>31 430</i>	<i>31 367</i>	<i>63</i>			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	22/10	678/10		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	26 604	- 4	27/10	HỘ LỚN	
2		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2630/10	28/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000	995	5	27/10	TD	GIA HẠN L1
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	26/10	2761/10	31/10	HD 1818	CÁM 4B.1	1 980	1 924	56	27/10	TD	Thay TBRT 2671/10
4		DVVTQN	27/10	2771/10	31/10	HP 4469	CÁM 4B.1	1 850	1 844	6	27/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>31 408</i>	<i>4 662</i>	<i>26 746</i>			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	26/10	2762/10	31/10	ĐẠI DƯƠNG 88	CỤC 4A.2	1 430	1 343	88	ĐỎ	HỘ LỚN	
							CÁM 5A.1	1 650	1 567	83	ĐỎ	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/10	691/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300	998	22 302	ĐỎ	HỘ LỚN	
3		VẠN THỦY THỦY	27/10	2770/10	31/10	QN 4438	CỤC XÔ 1C	1 030	755	275	ĐỎ	TD	
4		CỎ PHẢN TTC	27/10	2774/10	31/10	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150		1 150		TD	
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	27/10	2773/10	31/10	QN 8513	CÁM 1	1 448		1 448		TD	
6		CROMIT CĐ THANH HÓA	27/10	2772/10	31/10	QN 8162	CÁM 1	1 400		1 400		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>16 174</i>		<i>16 174</i>			
1		ĐẠM HẢ BẮC	22/10	680/10	31/10	TD 16-TT	CÁM 4B.1	2 360		2 360		HỘ LỚN	
2		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2621/10	28/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	GIA HẠN L1
3		VẠN THỦY THỦY	16/10	2662/10	23/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
4		XNK ANH KHOA	18/10	2680/10	25/10	BN 2911	CÁM 4A.1	1 591		1 591		TD	
5		XNK ANH KHOA	18/10	2679/10	25/10	BN 0828	CÁM 4A.1	1 650		1 650		TD	
6		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2676/10	25/10	HP 6131	CÁM 4A.1	1 800		1 800		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2675/10	25/10	BN 1789	CÁM 4A.1	1 600		1 600		TD	
8		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2703/10	27/10	BN 2706	CÁM 4B.1	1 650		1 650		TD	Thay TBRT 2184/8
9		XNK VTA	21/10	2707/10	28/10	BN 2025	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
10		THÁI SƠN HP	22/10	2725/10	29/10	QN 8531	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
11		XNK THAN	27/10	2769/10	31/10	QN 8647	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu chuyển tải						141 120	32 638	108 482			
		Tàu đã làm hàng						27 690	27 538	152			
1		ĐIỆN VINH TÂN 2	19/10	670/10		PACIFIC 01	CẨM 6A.14	27 690	27 538	152	27/10	HỘ LỚN	KDTCP: 9.492,3 CLM: 8.319,53 KVCP: 9.725,82
		Tàu dự kiến rút trong ngày						44 730	5 100	39 630			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	21/10	674/10		HPS-01	CẨM 6A.1	24 050		24 050		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 4.050
2		ĐIỆN VINH TÂN 1	26/10	689/10		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.1	20 680	5 100	15 580		HỘ LỚN	TTHG: 16.000 KVCP: 4.680
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						68 700		68 700			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	22/10	682/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTHG: 42.000 KVCP: 4.500
2		KDT MIỀN BẮC	25/10	688/10		VTA NEPTUNE	CẨM 5B.10	22 200		22 200		PTCB	TTHG: 22.200
II		KHO G9-HÓA CHẤT						39 270	4 140	29 964			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						8 758	4 140	4 618			
1		XNK THAN	26/10	2765/10	31/10	VIỆT THUẬN TĐ 01	CẨM 7C	5 312	3 254	2 058	ĐỎ	PTCB	Thay TBRT 2726/10
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	22/10	2729/10	29/10	BN 2228	CỤC XÔ 1B	1 096	542	554	ĐỎ	TD	NGUỒN CS
3		THAN MIỀN TRUNG	20/10	2698/10	27/10	HẢI ẬU 199	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	1 150	344	806	ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-C6
		Tàu đã làm lệnh						30 512		25 346			
1		KDT HẢI BẮC	22/10	2732/10	31/10	BG 0668	CẨM 7B	1 950		1 950		PTCB	NGUỒN CS
2		KDT HẢI BẮC	24/10	2748/10	31/10	BN 2518	CẨM 7B	1 685		1 685		PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HẢI PHÒNG	25/10	2756/10	31/10	HP 5902	CẨM 7C	1 450		1 450		PTCB	NGUỒN KVCP
4		KDT HẢI PHÒNG	27/10	2775/10	31/10	BN 2329	CẨM 7C	1 500		1 500		PTCB	NGUỒN KVCP
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	27/10	2776/10	31/10	NB 8917	CẨM 7B	3 060		3 060		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
6		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2612/10	27/10	VTT89 (QN 8757)	CẨM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		XDCN MỎ ĐỒNG BẮC	19/10	2688/10	26/10	QN 7877	CẨM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS
8		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
9		VT & KD THAN	24/10	2744/10	30/10	NB 8530	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
10		XNK VTA	25/10	2758/10	31/10	HD 6666	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
11		XDCN MỎ	25/10	2760/10	31/10	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		HÀNG HẢI VN	26/10	2766/10	31/10	BN 1798	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN KC
13		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/10	2677/10	31/10	QN 8547	CỤC XỎ 1B	996		996		TD	NGUỒN CS
14		KDT CẦU ĐUÔNG	27/10	2472/9	31/10	BN 1386	CỤC XỎ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
15		GOLDEN STAR	24/10	5 482		QNL-TĐ 06	TNK-LÀO	5 166				BỐC THAN NK	
<u>III</u>		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>8 556</u>	<u>2 398</u>	<u>6 158</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>2 400</i>	<i>2 398</i>	<i>2</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	684/10	31/10	QN 1043	CÁM 5B.10	2 400	2 398	2	27/10	HỘ LỚN	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>6 156</i>		<i>6 156</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	685/10	31/10	QN 4113	CÁM 5B.10	1 716		1 716		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	686/10	31/10	DỪNG SƠN 88(HP 6729)	CÁM 5B.10	4 440		4 440		HỘ LỚN	
<u>IV</u>		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>9 550</u>	<u>526</u>	<u>9 024</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>1 200</i>	<i>526</i>	<i>674</i>			
1		TM XNK ANH KHOA	25/10	2 753	31/10	PT 2698	CỤC 1B	1 200	526	674	ĐỎ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>8 350</i>		<i>8 350</i>			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/10	2763/10	31/10	AN PHÁT 39	CÁM 5A.1	5 000		5 000		PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	24/10	2745/10	31/10	THANH BÌNH 18	CÁM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
3		TM VÀ DV - VINACOMIN	24/10	2 749	31/10	HD 2056	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	
<u>V</u>		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>50 000</u>	<u>11 650</u>	<u>38 350</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>15 000</i>	<i>11 650</i>	<i>3 350</i>			
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000	11 650	3 350	ĐỎ		KVĐB: 15.000
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>35 000</i>		<i>35 000</i>			
1		NHẬT BẢN	26/10	7495		MV ANSHUN	CÁM 3B.1	25 000		25 000			KVCP: 10.000 TTHG: 5.000
2		HÀN QUỐC	27/10	7519		MV XIN LIN HAI 7	CỤC 2B.2	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
3		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
<u>VI</u>		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<i>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</i>				<u>43 000</u>	<u>5 000</u>	<u>43 000</u>			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]

